

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

**THÔNG TIN TÓM TẮT
VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2600107284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 28 tháng 10 năm 2013.

Địa chỉ: Đường Sông Thao – P. Bến Gót – TP. Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ;

Điện thoại: 0210 3862761; Fax: 0210 3862 754; Website: www.giayviettri.com.vn)

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Nguyễn Văn Hiện – Giám đốc Công ty

Số điện thoại: 0210 3862 761

số fax: 0210 3862 754

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.	4
2. Cơ cấu tổ chức công ty	11
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	12
4. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các qui định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỉ lệ nắm giữ).	16
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	17
6. Hoạt động kinh doanh.....	18
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	21
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	21
9. Chính sách đối với người lao động.....	25
10. Chính sách cổ tức.....	27
11. Tình hình tài chính.....	28
12. Tài sản.....	34
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	35
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng	37
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	37
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....	38
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hoạt động quản trị.....	38
2. Ban kiểm soát	45
3. Giám đốc và các cán bộ quản lý	48
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	49
III. PHỤ LỤC	50
IV. CHỮ KÝ	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC BẢNG BIỂU

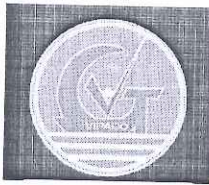
Bảng 1 – Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	11
Bảng 2 – Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	12
Bảng 3 - Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 28/11/2016	16
Bảng 4 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% tại thời điểm chốt sổ cổ đông 28/11/2016	16
Bảng 5 - Cơ cấu doanh thu thuần đối với từng mảng kinh doanh	19
Bảng 6 - Lợi nhuận gộp của Công ty qua từng năm	20
Bảng 7 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	21
Bảng 8 - Tình hình chi trả cổ tức 2 năm gần nhất	28
Bảng 9 - Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước	29
Bảng 10 - Số dư các quỹ của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	29
Bảng 11 - Tình hình dư nợ vay của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	30
Bảng 12 - Tình hình các khoản phải thu	32
Bảng 13 - Tình hình các khoản phải trả	32
Bảng 14 – Các chỉ tiêu tài chính năm 2014 - 2015	33
Bảng 15 - Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2015	34

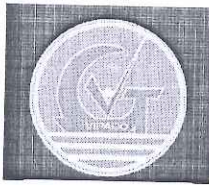
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- ❖ Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
- ❖ Tên tiếng Anh : Viettri Paper Joint stock Company
- ❖ Tên viết tắt : VIPACO



- ❖ Logo : 
- ❖ Địa chỉ : Đường Sông Thao – Phường Bến Gót – Thành phố Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ.
- ❖ Điện thoại : 0210 3862 761
- ❖ Fax : 0210 3862754
- ❖ Website : <http://www.giayviettri.com>
- ❖ Email : gvt@giayviettri.com
- ❖ Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hiện - Tổng Giám đốc.
- ❖ Ngày trở thành công ty đại chúng: Ngày 01/09/2009
- ❖ Vốn điều lệ đăng ký : 73.450.000.000 đồng (Bảy mươi ba tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng).
- ❖ Vốn điều lệ thực góp : 73.450.000.000 đồng (Bảy mươi ba tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng).
- ❖ Giấy Chứng nhận ĐKKD số 2600107284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 23/09/2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 28/10/2013.
- ❖ Ngành nghề kinh doanh:
 - Kinh doanh các sản phẩm bột giấy và giấy.
 - Kinh doanh và chế biến lâm sản
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu bột giấy, giấy, vật tư và hóa chất, thiết bị phục vụ ngành giấy.
 - Sản xuất hòm hộp, đóng gói sản phẩm.
 - Kinh doanh vận tải.
 - In và các dịch vụ liên quan đến in.

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: GVT
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 7.345.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty: Không có
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ – CP ngày 26/06/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ – CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT – BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 28/11/2016, số lượng cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì là 0 cổ phiếu (chiếm 0% cổ phiếu đăng ký giao dịch).

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tiền thân là Nhà máy Giấy Việt Trì, được khởi công xây dựng năm 1958, cùng với khu công nghiệp Việt Trì, một trong những khu công nghiệp đầu tiên trên Miền Bắc XHCN tại phía Nam Thành phố Việt Trì.

Vào năm 1965, dây chuyền thiết bị với công suất thiết kế 18.000 tấn/năm được vận hành đồng bộ, quy trình khép kín, giấy in viết, bao gói, bì, lần lượt ra đời và đạt sản lượng cao nhất 13.500 tấn. Có thể nói Giấy Việt Trì thời điểm này là một Nhà máy lớn, hiện đại cung cấp phần lớn nhu cầu giấy cho Miền Bắc XHCN, ngoài ra còn tham gia xuất khẩu đến các nước XHCN lúc bấy giờ. Sản lượng từ năm 1961 đến năm 1965 đạt 41.000 tấn, trong đó có 11.500 tấn được xuất khẩu.

Trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Nhà máy Giấy Việt Trì là một trong những địa điểm bị bắn phá ác liệt nhất, khu vực sản xuất bột và thu hồi kiềm giấy gần như bị phá hủy hoàn toàn. Mặc dù vậy, trong suốt những năm 1965-1972, hoạt động sản xuất của Công ty vẫn diễn ra không ngừng, Công ty vẫn hoàn thành chỉ tiêu sản xuất được giao và vượt mức hàng ngàn tấn giấy phục vụ chi viện cho miền Nam. Cũng trong thời gian này, nhà máy đã cử hơn 1.000 công nhân lên đường chi viện cho tiền tuyến.

Những năm đầu của nền kinh tế thị trường (1986 - 1996), khi chuyển sang chế độ hạch toán kinh doanh, Nhà máy Giấy Việt Trì gặp rất nhiều khó khăn: máy móc thiết bị lạc hậu và xuống cấp, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành sản phẩm cao... Đây thực sự là giai đoạn thử thách toàn diện đối với cán bộ công nhân viên Nhà máy giấy Việt Trì.

Tháng 10 năm 1998 Nhà máy Giấy Việt Trì đổi tên thành Công ty Giấy Việt Trì. Được sự ủng hộ của Bộ Công nghiệp, Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Tỉnh Phú Thọ, Công ty Giấy Việt Trì được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt dự án đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bao bì công nghiệp cao cấp 25.000 tấn/năm. Với tổng mức đầu tư trên 30 triệu USD. Sau hơn 2 năm chuẩn bị, ngày 28 tháng 10 năm 2000 công trình đã được khởi công xây dựng.

Ngày 01 tháng 06 năm 2002 dây chuyền giấy bao gói công nghiệp sau gần 2 năm xây dựng đi vào sản xuất đã góp phần đáng kể vào việc nâng công suất toàn Công ty. Tuy nhiên, sau đầu tư Công ty gặp vô vàn khó khăn: Nguồn vốn vay thương mại lớn, lãi suất cao, không có vốn kinh doanh, kinh tế thị trường khắc nghiệt, đội ngũ công nhân chưa kịp tiếp thu thiết bị mới, hiện đại, chất lượng sản phẩm thời kỳ đầu chưa đạt yêu cầu, giá thành cao, sản phẩm chậm tiêu thụ. Các năm từ 2003 đến 2005 sản xuất không ổn định, sản lượng thấp, tình hình tài chính Công ty gặp nhiều khó khăn. Bằng sự tháo gỡ của các Bộ, ngành, sự giúp đỡ của Tổng công ty Giấy Việt Nam, Công ty Giấy Việt Trì đã từng bước vượt qua khó khăn để đưa dây chuyền sản xuất đi vào hoạt động ổn định.



(Nguồn: Công ty CP Giấy Việt Trì cung cấp)

Hình ảnh trụ sở công ty

Ngày 23 tháng 09 năm 2008, theo quyết định số 1700/QĐ- BCN ngày 16/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 47 tỷ đồng trong đó Tổng Công ty Giấy Việt

Nam nắm giữ 29% vốn cổ phần. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy với các sản phẩm chính như bột giấy tẩy trắng, giấy in, giấy viết và giấy bao bì công nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh chế biến lâm sản, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng và hoá chất ngành giấy; kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Năm 2009, Công ty đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất Giấy in viết 20.000 tấn/năm, với giá trị đầu tư là 45 tỷ đồng, trong đó 1/3 vốn được huy động trong công nhân lao động của Công ty với hình thức vay vốn đầu tư, dây chuyền này do cán bộ công nhân kỹ thuật của Công ty tự lắp đặt.

Sau hơn 55 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì đã gặt hái nhiều thành công và ngày một trưởng thành, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 73,45 tỷ đồng, từ năm 2011 – 2015, sản lượng sản xuất Công ty đạt 362.700 tấn giấy các loại; Doanh thu đạt gần 5.000 tỷ đồng; số tiền đầu tư và nâng cấp thiết bị khoảng 105 tỷ đồng; Lợi nhuận hàng năm luôn duy trì ở mức trên 15 tỷ đồng/năm; trả lãi và gốc vay đầu tư dây chuyền 25.000 tấn/năm với số tiền gần 200 tỷ đồng; việc làm người lao động luôn được đảm bảo, các chế độ chính sách của Nhà nước với người lao động luôn được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, thu nhập người lao động ngày một cải thiện từ 5 triệu đồng/người-tháng năm 2011 đã tăng lên trên 7 triệu đồng/người-tháng năm 2015; ngoài ra, Công ty còn ủng hộ quỹ từ thiện trên 500 triệu đồng, Công ty đang tiếp tục phụng dưỡng 04 Mẹ Việt Nam anh hùng.

Đạt được kết quả trên Công ty đã tập trung nhiều giải pháp trong công tác quản lý, điều hành để nâng cao năng suất, ổn định chất lượng sản phẩm; sắp xếp lại tổ chức, cơ cấu lại lao động. Trong đầu tư, Công ty đã cải tạo, lắp đặt và cải tạo mới 03 lò hơi dùng các sản phẩm phế liệu lâm nghiệp và nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận thay thế cho lò hơi đốt than đã giảm được định mức tiêu hao năng lượng từ trên 1.000.000 đồng/TSP xuống còn 500.000 đồng/TSP; đầu tư máy mài lô có độ chính xác cao góp phần đáng kể nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm. Đầu tư hệ thống DCS, QCS, hệ thống phân ly sơ sợi... tiếp tục đầu tư xây dựng mới gần 10.000 m² nhà kho chứa nguyên liệu, hệ thống đường nội bộ được bê tông hóa, cảnh quan môi trường Công ty xanh – sạch – đẹp, chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Tiếp tục cải tạo máy xeo 1 sản xuất giấy in viết sang sản xuất giấy testline, WT với mục tiêu đưa Giấy Việt Trì tăng sản lượng lên trên 90.000 tấn/năm, phấn đấu trở thành trung tâm sản xuất giấy bao bì công nghiệp khu vực Miền Bắc.

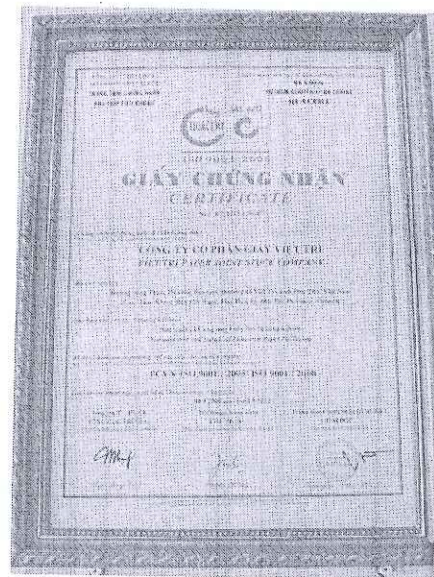
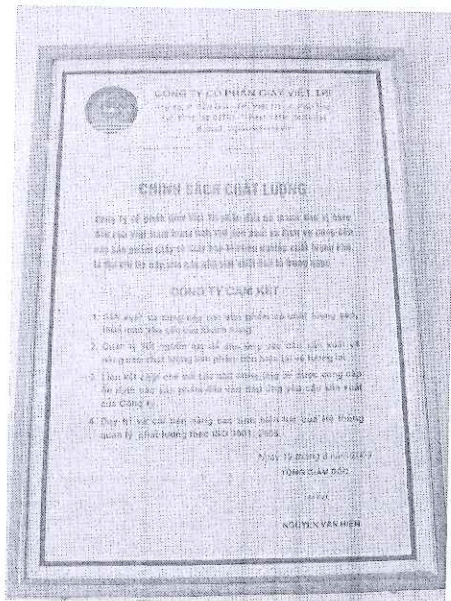
Trong 5 năm qua tập thể cổ đông, người lao động luôn phấn đấu, lao động không ngừng để tiếp nối truyền thống thế hệ đi trước để lại, đã đưa Công ty có bước phát triển khá ổn định, bền vững; sản phẩm Giấy Việt Trì đã tạo được thương hiệu trên thị trường trong nước, văn hóa doanh nghiệp được duy trì, kỷ luật kỷ cương nền nếp, Công ty được bạn hàng tin tưởng, đánh giá cao;

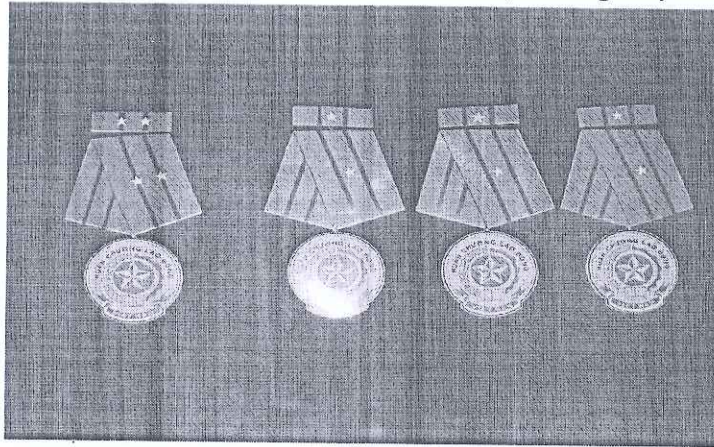
cổ đông tin tưởng đầu tư, người lao động yên tâm công tác và gắn bó làm việc lâu dài. Đa số người lao động gắn bó cả cuộc đời lao động của mình với Công ty, coi Công ty như ngôi nhà chung thứ 2 của mình, các thế hệ trẻ già, măng mọc đang nối tiếp truyền thống đó để cùng nhau xây dựng Công ty ngày càng phát triển ổn định.

Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600107284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 28/10/2013 với số vốn điều lệ là 73,45 tỷ đồng.

Thành tựu đạt được

Công ty đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhì trong thời kỳ đổi mới, 3 Huân chương Lao động hạng Ba cùng nhiều bằng khen và cờ thi đua của Chính phủ. Đảng bộ Công ty nhiều năm liền đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh. Đặc biệt, trong 10 năm liên tục từ năm 1995- 2005, Đảng bộ Công ty đã được Tỉnh ủy Phú Thọ và Thành ủy Việt Trì tặng cờ Đảng bộ trong sạch vững mạnh.





Huân chương lao động hạng nhất, nhì, ba của Công ty qua các thời kỳ

Trong 5 năm qua Công ty được Đảng, nhà nước ghi nhận và tặng thưởng:

- Đảng bộ công ty 09 năm liên tục từ 2007 đến 2015 được đảng bộ cấp trên công nhận là **“đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu”**; được đảng bộ Tỉnh phú thọ tặng bằng khen đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm (2010 – 2014). Đảng bộ Công ty được tôn vinh là **“tổ chức đảng tiêu biểu trong doanh nghiệp toàn quốc lần thứ nhất”**.
- Tổ chức Công đoàn Công ty được tặng Huân chương lao động hạng 3 năm 2013 và bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2011.
- Công ty 02 lần được tặng cờ thi đua của Thủ tướng chính phủ các năm 2011 và 2014
- 02 lần được tặng cờ thi đua của UBND Tỉnh phú thọ năm 2012 và 2014
- Hàng năm đều được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ công thương, Chủ tịch UBND Tỉnh Phú thọ, của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về thực hiện đầy đủ nộp BHXH, bằng khen Bộ tài chính, của Tổng cục thuế Việt Nam về thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

1.4. Quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần

Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (Căn cứ ngày Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 23/09/2008 dưới hình thức công ty cổ phần)

- Vốn điều lệ: 47.000.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ đồng)
- Số lượng cổ phiếu: 4.700.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Số lượng cổ đông: 982 cổ đông

Vốn điều lệ hiện tại (Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 28/10/2013).

- Vốn điều lệ: 73.450.000.000 đồng (Bảy mươi ba tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng)
- Số lượng cổ phiếu: 7.345.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ đông: 574 cổ đông

Các đợt tăng vốn của Công ty: Kể từ khi hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần cho đến nay, Công ty đã thực hiện 2 đợt tăng vốn. Cụ thể:

Đợt 1 ngày 29/11/2012:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 47.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau phát hành: 65.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 1.800.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 982 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 982 cổ đông
- Cơ sở pháp lý:
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 116/2012/NQ - ĐHĐCĐ ngày 24/5/2012)
 - Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 30/GCN-UBCK ngày 30/7/2012 của UBCKNN
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600107284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 29/11/2012

Đợt 2 ngày 28/10/2013:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 65.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau phát hành: 73.450.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 845.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 798 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 798 cổ đông

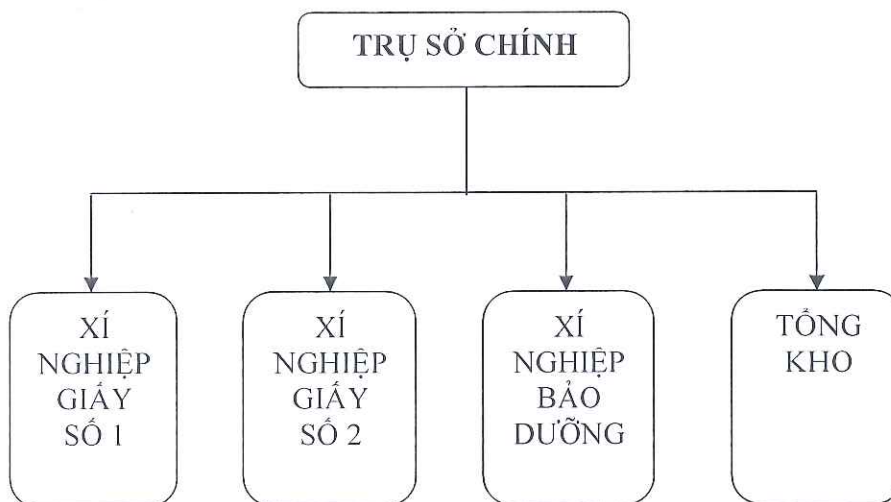
• Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 132/NQ – ĐHĐCĐ - 2013 ngày 22/6/2013
- Công văn số 5750/UBCK-QLPH ngày 17/9/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600107284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 28/10/2013.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, các Luật khác và điều lệ Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 08 tháng 05 năm 2015.

Bảng 1 – Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì



❖ Trụ sở chính:

Địa chỉ : Đường Sông Thao – P. Bến Gót – Tp. Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại : 0210 3862 761

Fax : 0210 3862 754

❖ Các đơn vị trực thuộc, gồm: 2 Xí nghiệp sản xuất; Xí nghiệp Bảo dưỡng và Tổng kho

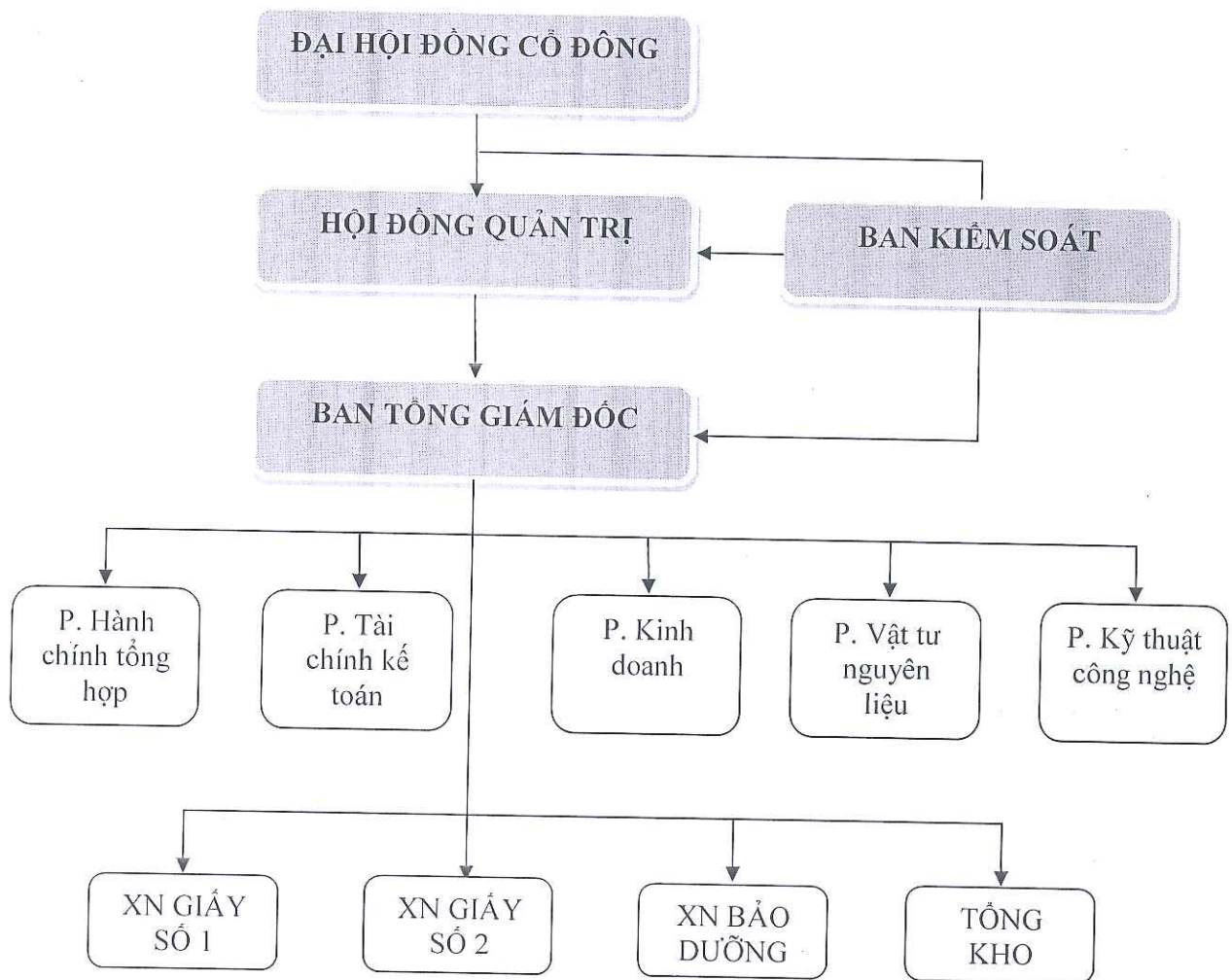
Xí nghiệp giấy số 1 và Xí nghiệp Giấy số 2: Thực hiện việc sản xuất các loại giấy thành phẩm và các sản phẩm khác của Công ty.

Xí nghiệp Bảo dưỡng: Thực hiện quản lý và kiểm soát máy móc thiết bị sản xuất, các hoạt động kỹ thuật sản xuất cũng như duy trì và đảm bảo việc hiệu chuẩn các thiết bị kiểm tra đo lường.

Tổng kho: Tổ chức công tác nhập và xuất kho, sắp xếp, bảo quản, bảo dưỡng vật tư, hàng hóa lưu kho; kiểm tra tình trạng sản phẩm, vật tư hàng hoá trong kho, đề xuất kịp thời các biện pháp xử lý, đồng thời kiểm kê sản phẩm, phân loại sản phẩm.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Bảng 2 – Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Giấy Việt



Đại hội đồng Cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và

ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác; Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định; Hiện tại HĐQT Công ty có 5 thành viên, có nhiệm kỳ 5 năm

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hiện	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Đặng Văn Sơn	Thành viên HĐQT
3	Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Hồng Hà	Thành viên HĐQT
5	Lê Thị Minh Loan	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Công Thành	Trưởng ban
2	Hoàng Văn Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần

việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật.

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

S.T.T	Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hiện	Tổng Giám đốc
2	Đặng Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các phòng chức năng

Phòng Hành chính tổng hợp: Phòng hành chính tổng hợp là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng và sử dụng lao động trong Công ty, quản lý các công việc hành chính hàng ngày của Công ty. Thực hiện tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và các bộ phận khác về việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động, xây dựng nội quy, quy chế của Công ty.

- Lập danh sách người lao động trong công ty; giúp Tổng Giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, sử dụng lao động trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đề nghị nâng lương, nâng bậc hàng năm cho cán bộ công nhân viên;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật vào hoạt động của Công ty;
- Thường xuyên, liên tục cập nhật các thông tin pháp luật, văn bản pháp luật phục vụ cho hoạt động của Công ty;
- Tiến hành các thủ tục xử lý kỷ luật người lao động vi phạm nội quy lao động;
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty;
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động an toàn thực phẩm;

- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của Công ty...

Phòng Tài chính kế toán: Phòng Tài chính Kế toán thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Kế toán trưởng là người trực tiếp giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty.

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng;
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT;
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế;
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước;
- Xử lý công nợ;
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối Pháp lệnh kế toán, thống kê; pháp lệnh thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước.

Phòng Kinh doanh:

- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của ngành và kết quả nghiên cứu thị trường.
- Theo dõi và thực hiện các kế hoạch kinh doanh đề ra.
- Nghiên cứu, xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, xây dựng chiến lược quan hệ khách hàng; xây dựng các chính sách phân phối, chính sách giá cả.
- Đề xuất các chiến lược phát triển sản phẩm mới, mở rộng thị trường, phát triển thị phần.
- Nghiên cứu, điều tra, phân tích thông tin thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh,... để có các biện pháp giải quyết.
- Đề xuất và thực hiện các hoạt động Marketing phục vụ cho việc xây dựng và phát triển thương hiệu.

Phòng Vật tư nguyên liệu:

- Phụ trách cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu, máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng nội địa; kiểm soát các loại xe cơ giới phục vụ, xe vận tải đường dài.
- Tiếp nhận, sắp xếp bảo quản và đảm bảo an toàn nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thành phẩm, hàng hóa của Công ty.
- Tham gia việc hoạch định kế hoạch hàng tồn kho và đề xuất các chỉ tiêu quản lý nội bộ.

Phòng Kỹ thuật công nghệ: Phụ trách về mặt khoa học kỹ thuật, dây chuyền công nghệ cho hoạt động sản xuất của công ty; chủ trì nghiên cứu, xây dựng các quy trình công nghệ, hướng dẫn thao tác công nghệ; theo dõi và đo lường sản phẩm theo quy chuẩn; quản lý và điều phối các chương trình, dự án cải tiến chất lượng.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

4. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các qui định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỉ lệ nắm giữ).

4.1. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3 - Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 28/11/2016

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	574	7.345.000	100
1. Cổ đông tổ chức	02	2.195.590	29,89
2. Cổ đông cá nhân	572	5.149.410	70,11
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1. Cổ đông tổ chức	0	0	0
2. Cổ đông cá nhân	0	0	0
III. Cổ phiếu Quỹ	0	0	0
Tổng cộng	574	7.345.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì chốt ngày 28/11/2016)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 23/09/2008, do vậy sau ngày 23/09/2011 tất cả các cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%

Bảng 4 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% tại thời điểm chốt sổ cổ đông 28/11/2016

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu tại 28/11/2016
----	-------------	---------	-------------	-----------------------------

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu tại 28/11/2016
1	Tổng Công ty Giấy Việt Nam <i>Đại diện phần vốn:</i>	Số 85, Phố Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	2.130.050	29%
	<i>Nguyễn Văn Hiện</i>	<i>Khu đô thị Đồng mại Thọ Sơn - TP. Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ</i>	<i>1.028.300</i>	<i>14%</i>
	<i>Nguyễn Quế Sơn</i>	<i>Phong Châu Phù Ninh Phú Thọ</i>	<i>1.101.750</i>	<i>15%</i>
2	Nguyễn Văn Nam	52/54-Bàu cát-P14-Q.tân Bình-TP HCM	627.278	8,54%
3	Nguyễn Văn Hiện	Phường Thanh Miếu - TP. Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ	529.494	7,21%
4	Nguyễn Thanh Sơn	280/23C-Đường CM Tháng 8-P10-Q3-HCM	392.486	5,34%
5	Nguyễn Hồng Đức	Khu 14 Thanh Miếu Việt Trì Phú Thọ	619.804	8,44%
	Tổng cộng		4.299.112	58,53%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại ngày 28/11/2016)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

5.1. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng

Không có

5.2. Những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

5.3. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

Không có

6. Hoạt động kinh doanh.

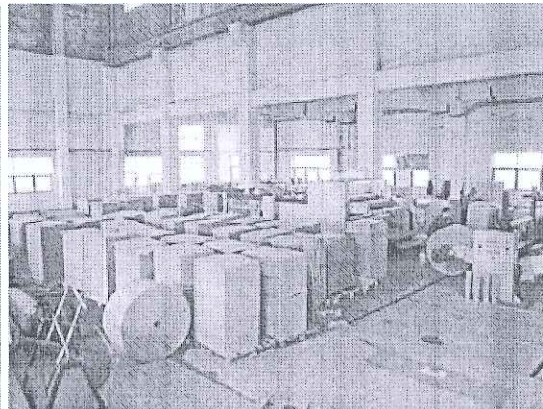
6.1. Các sản phẩm chính của Công ty

Sản phẩm chính của Công ty là giấy và các sản phẩm giấy bao bì cao cấp được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại như: giấy in, giấy viết, giấy làm vỏ bao xi măng, giấy Poluya chất lượng cao, giấy bìa, giấy vẽ, giấy Duplex coated, giấy Kraft liner, giấy làm lớp sóng...

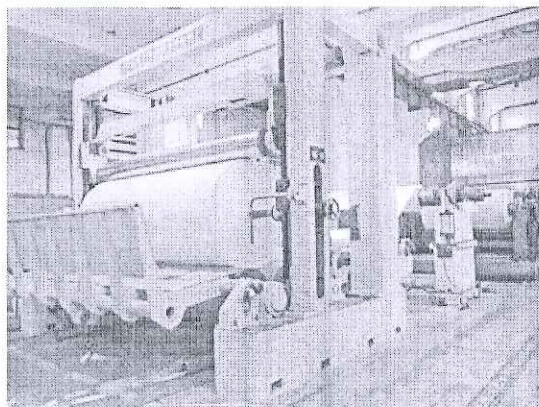
Một số hình ảnh về sản phẩm của Công ty:



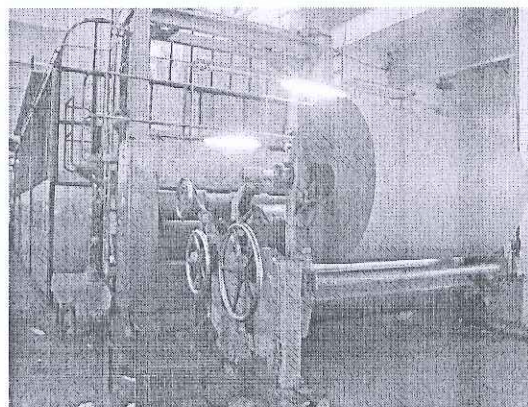
Sản phẩm Kraft liner – Ký hiệu KR-L



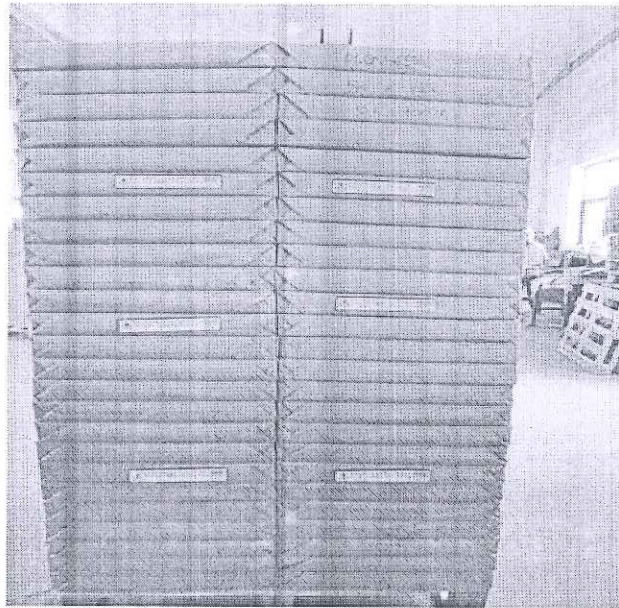
Sản phẩm Duplex coated – Ký hiệu DL-C



Sản phẩm giấy In Viết – Ký hiệu GIV



Giấy bao gói Xi măng – Ký hiệu XM



Sản phẩm Giấy Powluya – Ký hiệu ĐM

Trong những năm gần đây sản phẩm của Công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thương trường và đang dần thay thế hàng nhập ngoại cùng loại. Ví dụ như sản phẩm Kraft lier – Ký hiệu KR-L, được sử dụng làm lớp mặt của thùng Carton 3, 5 lớp phục vụ cho sản xuất thùng Carton cao cấp, là dòng sản phẩm được sản xuất trên dây truyền công nghệ hiện đại của Hàn Quốc do tập đoàn Hansol Paper lắp đặt được trang bị đầy đủ hệ thống QCS, DCS hiện đại, mang tính đồng bộ cao, sản phẩm có uy tín trên thị trường giấy bao bì công nghiệp với các chỉ tiêu kỹ thuật vượt trội như độ cứng, độ bục của giấy tương đương với hàng nhập ngoại cùng loại. Đặc biệt màu sắc đặc trưng đồng đều trong quá trình sản xuất tạo nên thương hiệu Kraft liner Việt Trì. Sản phẩm Duplex coated – Ký hiệu DL-C là dòng sản phẩm đầu tiên do Việt Nam sản xuất trên dây truyền công nghệ hiện đại của Hàn Quốc do tập đoàn Hansol Paper lắp đặt được trang bị đầy đủ hệ thống QCS, DCS hiện đại, mang tính đồng bộ cao, sản phẩm đã trở thành độc quyền của ngành giấy Việt Nam với chất lượng sản phẩm cao, có tính ổn định, chất lượng tương đương với hàng nhập khẩu;.....

6.2. Sản lượng sản phẩm giá trị dịch vụ qua các năm

a. Tình hình doanh thu của Công ty qua các năm

Bảng 5 - Cơ cấu doanh thu thuần đối với từng mảng kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng 2016	
	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng/DTT	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng/D

				(%)		TT (%)
Doanh thu thuần bán hàng thành phẩm	969.418	99,97	972.099	99,91	652.213	99,93
Doanh thu thuần bán vật tư	186	0,02	855	0,09	443	0,07
Doanh thu thuần vận chuyển	72	0,01	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng nội bộ	-	-	40	0,004	15	0,002
Tổng cộng	969.676	100	972.994	100	652.671	100

(Nguồn: BCTC năm 2015 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2016 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

b. Tình hình lợi nhuận của Công ty qua các năm

Bảng 6 - Lợi nhuận gộp của Công ty qua từng năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng 2016	
	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng trên DTT (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng trên DTT (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng trên DTT (%)
Bán hàng thành phẩm	87.183	8,99	89.631	9,21	61.710	9,45
Bán vật tư	8	0,001	78	0,01	108	0,02
Hoạt động vận chuyển	72	0,01	-	-	-	-
Tổng lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa và cung cấp	87.263	9,00	89.709	9,22	61.818	9,47

dịch vụ

(Nguồn: BCTC năm 2015 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2016 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 7 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2014	31/12/2015	% tăng/giảm	30/09/2016
Tổng giá trị tài sản	đồng	708.959.830.839	743.379.387.626	4,85	696.872.302.884
Vốn chủ sở hữu	đồng	88.963.881.711	90.080.543.283	1,26	87.461.039.547
Doanh thu thuần	đồng	969.675.903.589	972.994.452.964	0,34	652.671.073.759
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	đồng	16.905.586.819	16.438.253.062	(2,76)	10.996.390.530
Lợi nhuận khác	đồng	(100.614.475)	64.192.584	-	199.657.445
Lợi nhuận trước thuế	đồng	16.804.972.344	16.502.445.646	(1,80)	11.196.047.975
Lợi nhuận sau thuế	đồng	13.051.089.118	12.862.641.790	(1,44)	8.956.873.875
Giá trị sổ sách	đồng/cổ phần	12.112	12.264	1,25	11.908
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	78,79	79,94	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 đã được kiểm toán và BCTC quý III/2016 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Phân tích SWOT

Điểm mạnh

- Công ty là thành viên của Tổng Công ty Giấy Việt Nam, do đó Công ty nhận được sự quan tâm và giúp đỡ có hiệu quả của Tổng Công ty và các cơ quan cấp trên đối với Công ty về mọi mặt như vốn, vật tư, tiêu thụ sản phẩm.
- Dây chuyền sản xuất nhà máy 2 của Công ty tương đối hiện đại, do vậy đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Hơn nữa, Công ty có hệ thống tiêu thụ sản phẩm dựa vào khách hàng quen, khách hàng tiềm năng và Tổng đại lý tiêu thụ giấy Nam – Bắc của Tổng Công ty Giấy Việt Nam.
- Các sản phẩm của Công ty có uy tín và dần khẳng định vị thế của mình trên thị trường với các chỉ tiêu kỹ thuật vượt trội.

Điểm yếu

- Cũng như các doanh nghiệp khác trong ngành, thiết bị công nghệ dây chuyền nhà máy 1 của Công ty còn lạc hậu, do đó khả năng cạnh tranh với các mặt hàng nhập khẩu chưa cao.
- Quy mô vốn của Công ty thấp, mà đặc thù của ngành giấy đòi hỏi chi phí đầu tư vào công nghệ rất lớn nên với quy mô vốn như hiện nay (73,45 tỷ đồng), Công ty cũng khó có thể đủ vốn để đầu tư được vào các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất.
- Quy mô vốn nhỏ làm cho Công ty khó khăn hơn trong việc tiếp cận với vốn vay từ các Ngân hàng. Hơn nữa Công ty còn phải gánh chịu tàn dư từ Công ty nhà nước trước đây để lại, đó là khoản nợ Bộ Tài chính, từ nay cho đến cuối năm 2019 Công ty phải trả gốc và lãi vay trị giá 82,1 tỷ đồng, vay đầu tư trong nước là 12,75 tỷ đồng.
- Công tác điều tra, nắm bắt thị trường, nắm bắt năng lực khách hàng của các phòng chức năng tham mưu vẫn còn thụ động, chưa bài bản, thông tin thu thập được chưa đáp ứng được yêu cầu; ý kiến tham mưu, đề xuất về lĩnh vực mua, bán còn hạn chế, nên hiệu quả chưa cao;
- Công tác quản lý thiết bị, quản lý kỹ thuật công nghệ, quản lý chất lượng sản phẩm vẫn còn nhiều bất cập, chưa sâu sát, chưa bắt kịp với diễn biến thực tế sản xuất;

Cơ hội

- Chúng ta có một thị trường tiêu thụ rộng lớn, với 88 triệu dân, tài nguyên rừng trù phú và có thể phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp giấy.
- Việt Nam có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển vùng nguyên liệu bột giấy; và khả năng tận dụng giấy loại nhờ vào mạng lưới người thu mua.
- Nguồn nhân lực dồi dào và rẻ cũng là một lợi thế với sự phát triển của ngành.
- Năng lực sản xuất còn thấp; công nghệ lạc hậu, sản xuất trong nước vẫn chưa đáp ứng được tiêu dùng, đặc biệt là nhóm sản phẩm tiêu thụ lớn nhất. Hiện nay, sản xuất nội địa mới chỉ đáp ứng được ½ nhu cầu ở các sản phẩm tiêu thụ chính là giấy bao bì; giấy in, giấy viết ở các phân khúc chất lượng thấp đến trung bình. Các loại giấy chất lượng cao vẫn phải nhập khẩu.

- Ngành giấy vẫn là ngành hấp dẫn đầu tư, thu hút nguồn vốn đầu tư của nước ngoài khi số lượng doanh nghiệp liên doanh tăng.

Thách thức

- Công nghệ ngành giấy Việt nam rất lạc hậu, điều này gây ra ô nhiễm môi trường trầm trọng và cũng làm giảm năng lực cạnh tranh của ngành giấy Việt Nam. Do đó, lượng hàng hóa nhập khẩu vào trong nước luôn chiếm số lượng lớn đồng thời khiến các doanh nghiệp trong nước bị hạn chế về thị trường tiêu thụ cũng như khả năng có thể vươn lên trở thành thị trường xuất khẩu giấy trên thế giới.
- Sắp tới nhiều Hiệp định Thương mại tự do (FTA) được ký kết sẽ tác động nhiều đến doanh nghiệp. Trong các FTA, đáng chú ý nhất đối với ngành giấy là việc ký kết thành lập Cộng đồng kinh tế chung ASEAN (AEC) vào cuối năm nay và đến năm 2018, thuế suất nhập khẩu các mặt hàng giấy và sản phẩm từ giấy từ các nước trong khối về 0%. Đây là điều rất đáng ngại và sẽ gây ra sự cạnh tranh khốc liệt đối với ngành giấy trong nước do có đến 50% lượng giấy của Việt Nam được nhập khẩu từ ASEAN. Lộ trình cắt giảm thuế vừa là cơ hội để doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu giá rẻ nhưng lại đặt ra thách thức lớn cho các doanh nghiệp sản xuất trong thị trường nội địa. Nguyên nhân vì chất lượng mặt hàng giấy từ các nước như Indonesia, Thái Lan đều tốt hơn Việt Nam mà giá thành tương đương.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

8.2.1. Thực trạng ngành giấy

- Tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành giấy khoảng 15%-16%/năm.
- Ngành công nghiệp giấy và bột giấy của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế cả về công suất, thiết bị và trình độ công nghệ, nhất là công nghệ tự động hóa trong sản xuất còn kém so với các nước trong khu vực và trên thế giới nên chưa đủ khả năng cạnh tranh.
- Một trong những yếu tố tác động mạnh đến quy mô công suất của ngành giấy là yếu tố đầu tư nước ngoài. Hiện nay, số lượng các DN FDI có công suất lớn chỉ có 04 DN, chiếm tỉ lệ 1,4%, nhưng tổng công suất chiếm tới 24%. Trong lúc đó, số lượng các DN ngoài quốc doanh là 295 DN, chiếm tỉ lệ 98%, với tổng công suất giấy đạt 70% tổng công suất giấy toàn ngành. Tuy nhiên, phần lớn các DN này có công suất nhỏ, gây tác động tiêu cực đến môi trường
- Hơn thế, giai đoạn 2005-2010, diện tích trồng rừng nguyên liệu giấy chỉ đạt 51,0% so với quy hoạch đã được phê duyệt. Thực tế này dẫn đến việc đầu tư các dự án sản xuất bột giấy gặp nhiều khó khăn, sản lượng bột giấy không đáp ứng nhu cầu sản xuất.
- Ngành giấy vẫn còn nhiều rào cản lớn. Thứ nhất là sự hỗ trợ của nhà nước chưa rõ ràng, cào bằng giữa các DN; địa điểm xây dựng nhà máy giấy lại càng khó khăn do các địa phương từ chối vì sợ ô nhiễm môi trường.

- Đây là hệ lụy của việc nhiều DN nhỏ và vừa với công nghệ sản xuất giấy lạc hậu, hệ thống xử lý nước thải chưa được đầu tư đúng mức. Rào cản thứ hai là vốn đầu tư. Nếu xây dựng nhà máy với vốn đầu tư thấp sẽ không đáp ứng được yêu cầu về công nghệ.
- Trên thực tế, các sản phẩm bột giấy sản xuất trong nước hiện chia làm 4 nhóm sản phẩm chính là: bột cơ học, bột hoá học tẩy trắng, bột hoá học không tẩy trắng và bột bán hoá. Số lượng các DN sản xuất bột bán hoá chiếm tỉ lệ lớn nhất (65,45%), bao gồm 36 DN, nhưng công suất chỉ đạt tỉ lệ 31,83% trong tổng công suất bột giấy. Các DN này thường có công suất nhỏ, phân bố rải rác ở các tỉnh miền núi, trung du nơi tập trung nhiều nguyên liệu phi gỗ (tre, nứa, luồng, lồ ô...) Điều đáng nói là đa phần không có hệ thống xử lý nước thải nên gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đây có thể coi là vấn đề cốt lõi liên quan tới sự tồn tại của DN trong tương lai nếu không có các giải pháp công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
- Theo các chuyên gia, đến nay ngành công nghiệp giấy và bột giấy VN hầu như không có DN sản xuất bột giấy thương phẩm công suất lớn. Các DN sản xuất bột chủ yếu để phục vụ nhu cầu sản xuất giấy của chính DN. Theo Bộ Công Thương, hiện cả nước có 500 DN với tổng năng lực sản xuất đạt 2,075 triệu tấn giấy và 437.600 tấn bột giấy mỗi năm, tuy nhiên, công suất bột giấy mới chỉ chiếm khoảng 21,8% so với công suất giấy, số bột giấy còn lại được đảm bảo bởi bột giấy nhập khẩu, giấy loại thu gom nội địa và giấy loại nhập khẩu.
- Thực tế đã xuất hiện sự vênh nhau giữa sản xuất và tiêu thụ, người có nguyên liệu thì không muốn bán cho DN sản xuất... vì đời sống người trồng rừng quá thấp. Bên cạnh đó, khả năng cạnh tranh của ngành sản xuất giấy trong nước thấp nên ngân hàng cũng "ngại" cho vay. Trong 10 năm qua, đã có một số dự án nhà máy bột giấy được đưa vào kế hoạch đầu tư, trong đó có Nhà máy bột giấy An Hòa (Tuyên Quang) công suất thiết kế 130.000 tấn/năm, Nhà máy bột giấy Phương Nam (Long An) 100.000 tấn/năm, Nhà máy bột giấy Thanh Hóa, 2 nhà máy bột giấy của Tập đoàn Tân Mai tại Quảng Ngãi và Kon Tum.... song cho tới nay, tất cả dự án bột giấy này hoặc chưa đầu tư xong, hoặc gặp khó về nguồn nguyên liệu.

8.2.2. Tiềm năng và triển vọng ngành giấy

- Ngành giấy và bột giấy là một trong những ngành quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, đóng góp một phần giá trị GDP của cả nước, góp phần tạo công ăn việc làm cho hàng triệu lao động, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân, ngành giấy càng phát triển thì càng phản ánh sự phát triển của xã hội, do đó đây là một ngành công nghiệp quan trọng cần phải đầu tư phát triển.
- Trong những năm qua, ngành giấy Việt Nam đã có được bước tăng trưởng ổn định về nhu cầu cũng như năng lực sản xuất. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế đang phát triển, có tốc độ tăng trưởng cao hàng năm, dân số Việt Nam lớn và không ngừng ra tăng, thu nhập trên đầu người cũng có những bước tiến đáng kể trong những năm qua. Ngoài ra, tiêu thụ giấy

bình quân của người Việt Nam còn rất thấp, mới đạt 20,7 kg/người/năm so với mức tiêu thụ bình quân Châu Á là 50,7 kg/người/năm và của Thế giới là 70 kg/người/năm.

- Nhu cầu tiêu thụ của ngành giấy trong tương lai rất lớn.
- Năng lực sản xuất giấy và bột giấy của Việt Nam hiện còn thấp: Thị trường giấy Việt Nam còn nhiều khoảng trống, đặc biệt là phân khúc sản phẩm giấy bao bì và giấy viết in, năng lực sản xuất mới chỉ đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu tiêu dùng nội địa do đó đây là các mảng thị trường phát triển tiềm năng trong tương lai.
- Đông Nam Á được cho sẽ là thị trường phát triển mạnh ngành công nghiệp giấy trong 10 năm tới. Riêng Việt Nam, với dân số đã đạt ngưỡng 88 triệu người là thị trường tiêu thụ, sử dụng giấy hàng đầu khu vực. Ước tính tốc độ tăng trưởng về nhu cầu và năng suất hàng năm dự báo sẽ tăng trưởng từ 13 – 15%

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Thực trạng lao động

Nội dung	Đơn tính	30/09/2016	Tỷ lệ
Phân theo đối tượng lao động			
- Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc	Người	05	0,9%
- Lao động trực tiếp	Người	510	92,7%
- Lao động quản lý	Người	35	6,3%
Phân theo trình độ lao động			
- Trình độ đại học	Người	96	17,45%
- Trình độ trung cấp và cao đẳng	Người	210	38,18%
- Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	Người	244	44,36%
Phân theo giới tính			
- Nam	Người	350	63,63%
- Nữ	Người	200	36,36%

(Nguồn: Công ty cổ phần Giấy Việt Trì)

9.2. Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

9.2.1 Chế độ làm việc:

- *Thời gian làm việc:*

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 48h/tuần và người lao động làm việc tại công ty theo các ca sản xuất. Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động.

- *Điều kiện làm việc:*

Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Nhà xưởng sản xuất của Công ty được thiết kế, xây dựng theo đúng tiêu chuẩn đảm bảo điều kiện sản xuất, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.

Người lao động khi làm việc tại công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục lao động các trang thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Được đào tạo vận hành máy móc, các biện pháp bảo đảm an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi vào làm việc.

9.2.2 Chính sách tổ chức, đào tạo và tuyển dụng cán bộ:

Việc cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy sao cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được tiến hành công khai, thận trọng và đúng quy trình; cán bộ quản lý đương nhiệm và được bổ nhiệm mới trong năm đều có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân. Việc sắp xếp lao động trong dây chuyền luôn được rà soát một cách kỹ lưỡng, ưu tiên lựa chọn người lao động có trình độ tay nghề cao và có tâm với công việc.

Công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề cho các cán bộ, kỹ sư, kỹ thuật viên và công nhân luôn được Công ty quan tâm thực hiện, việc tổ chức thi kiểm tra lý thuyết và tay nghề cho công nhân trong năm đã dần gắn với thực tiễn sản xuất của Doanh nghiệp. Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khóa huấn luyện,...Kết quả sau mỗi khóa học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

Công tác tuyển dụng mới lao động cũng được thực hiện công khai và có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng.

9.2.3 Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Tiền lương thỏa thuận hoặc lương khoán tại Công ty, trong đó đã bao gồm mức lương chính đóng BHXH. Tổng quỹ lương của Công ty do Tổng Giám đốc trình và Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo cho việc trả lương trong Công ty không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Tiền lương chính của người lao động do hai bên thỏa thuận. Các khoản phụ cấp nếu có thực hiện theo các quy chế của Công ty. Quỹ tiền lương của Công ty bao gồm quỹ tiền lương tính theo đơn giá lương khoán của người lao động và quỹ tiền lương dự phòng. Trong đó:

- ❖ Quỹ tiền lương khoán của người lao động do Tổng Giám đốc phê duyệt.
- ❖ Quỹ tiền lương dự phòng của Công ty (QTLDP), là phần còn lại của quỹ tiền lương thực hiện của Công ty sau khi trừ đi quỹ tiền lương khoán. Quỹ tiền lương dự phòng được dùng để dự phòng cho việc biến động trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; dùng để chi cho người lao động nhân ngày lễ, ngày Tết; hỗ trợ cho các đơn vị để chi trả tiền lương tối thiểu cho người lao động (nếu thiếu).

Căn cứ khả năng đóng góp của người lao động và khả năng tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị xem xét giải quyết nâng lương cho người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất, chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện năng suất lao động, tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật,....

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì phong trào Văn – Thể - Mỹ. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Tổng quỹ lương thực trích năm 2015 là: 51.000.000.000 đồng.

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trưởng đều qua các năm, thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2014 là 6.650.000 đồng/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2015 là 7.100.000 đồng/người/tháng.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các

khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 8 - Tình hình chi trả cổ tức 2 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Tỷ lệ cổ tức	14%	14%
Hình thức chi trả cổ tức	Tiền mặt	Tiền mặt

(Nguồn: Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

11.2. Khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

Thời gian khấu hao của các loại tài sản

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Phần mềm quản lý	3

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

11.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

11.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 9 - Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.044.498.245	484.302.101	399.174.100
Thuế thu nhập cá nhân	195.009.799	188.592.105	1.200.000
Thuế tài nguyên	-	-	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất, thuế khác	424.247.966	22.275.200	1.290.814.330
Tổng cộng	<u>1.663.756.010</u>	<u>695.169.406</u>	<u>1.691.188.430</u>

(Nguồn: BCTC năm 2015 đã kiểm toán và BCTC quý III/2016 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

11.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bảng 10 - Số dư các quỹ của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1. Quỹ đầu tư phát triển	2.462.792.593	3.767.901.493	5.054.165.672
2. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	718.483.162	1.651.788.380	2.369.615.991
Tổng cộng	<u>3.181.275.755</u>	<u>5.419.689.873</u>	<u>7.423.781.663</u>

(Nguồn: BCTC năm 2015 đã được kiểm toán; BCTC quý III/2016 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

11.6. Tổng dư nợ vay

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

Bảng 11 - Tình hình dư nợ vay của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1. Vay và nợ ngắn hạn	313.084.095.381	343.604.237.132	333.202.476.893
Vay ngắn hạn	278.160.106.098	306.525.523.132	314.663.119.893
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hùng Vương (1)	85.716.292.653	99.938.425.970	99.214.851.640
- Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Việt Trì (2)	114.740.309.070	119.989.750.359	103.047.725.301
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Thọ (3)	38.997.014.175	36.487.607.714	56.833.955.870
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Việt Trì (4)	3.500.000.000	11.994.622.689	9.441.149.582
- Vay ngắn hạn CBNV (5)	35.206.490.200	38.115.116.400	46.125.437.500
Nợ dài hạn đến hạn trả	34.923.989.283	37.078.714.000	18.539.357.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hùng	12.000.000.000	15.200.000.000	7.600.000.000

Vương (6)			
- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.045.275.283	-	
- Bộ Tài chính (8)	19.278.714.000	19.278.714.000	9.639.357.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Việt Trì (7)	2.600.000.000	2.600.000.000	1.300.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	107.066.330.671	78.787.616.671	77.766.195.263
Vay dài hạn	140.945.044.671	115.866.330.671	96.305.552.263
- Vay Ngân hàng Vietinbank - CN Hùng Vương (6)	36.751.474.671	33.551.474.671	22.151.474.671
- Vay NH Quân đội			2.778.578.592
- Vay Ngân hàng Ngoại thương – chi nhánh Việt Trì (7)	7.800.000.000	5.200.000.000	3.900.000.000
- Bộ Tài chính (8)	96.393.570.000	77.114.856.000	67.475.499.000
Nợ thuê tài chính	1.045.275.283	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.045.275.283	-	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(34.923.989.283)	(37.078.714.000)	(18.539.357.000)
Tổng cộng	<u>420.150.426.052</u>	<u>422.391.853.803</u>	<u>410.968.672.156</u>

(Nguồn: BCTC năm 2015 đã kiểm toán; BCTC quý III/2016 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

11.7. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 12 - Tình hình các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	193.332.688.274	186.000.900.841	170.964.380.739
1. Phải thu của khách hàng	193.208.742.609	186.942.265.460	171.481.883.053
2. Trả trước cho người bán	1.042.900.340	288.398.340	762.755.840
3. Phải thu khác	1.963.860.442	1.948.664.473	1.898.169.278
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.882.815.117)	(3.178.427.432)	(3.178.427.432)
II. Các khoản phải thu dài hạn	449.525.600	-	-
Ký cược, ký quỹ	449.525.600	-	-
Tổng cộng	193.782.213.874	186.000.900.841	170.964.380.739

(Nguồn: BCTC năm 2015 đã kiểm toán; BCTC quý III/2016 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

- Các khoản phải trả:

Bảng 13 - Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I. Nợ ngắn hạn	480.574.098.422	550.244.587.643	507.378.428.045
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	313.084.095.381	343.604.237.132	333.202.476.893
2. Phải trả người bán	134.521.371.907	167.804.744.444	147.717.934.275
3. Người mua trả tiền trước	35.700.974	5.685.994.206	86.798.318

4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.663.756.010	695.169.406	1.691.188.430
5. Phải trả người lao động	19.406.447.879	19.603.724.678	15.729.992.206
6. Chi phí phải trả	2.214.567.227	1.225.758.250	1.716.472.086
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.929.675.882	9.973.171.147	4.863.949.846
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	718.483.162	1.651.788.380	2.369.615.991
II. Nợ dài hạn	139.421.850.706	103.054.256.700	102.032.835.292
1. Phải trả dài hạn khác	32.355.520.035	24.266.640.029	24.266.640.029
2. Vay và nợ dài hạn	107.066.330.671	78.787.616.671	77.766.195.263
Tổng cộng	<u>619.995.949.128</u>	<u>653.298.844.343</u>	<u>609.411.263.337</u>

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 đã kiểm toán; BCTC quý III/2016 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

11.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14 – Các chỉ tiêu tài chính năm 2014 - 2015

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,93	0,96
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,42	0,36
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,87	0,88
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	6,97	7,25
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,61	3,09
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,37	1,34

bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,35	1,32
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,67	14,37
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,84	1,77
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,74	1,69

(Nguồn: BCTC năm 2015 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

Bảng 15 - Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	664.157.485.580	183.907.101.414	27,69
Nhà cửa, vật kiến trúc	77.582.042.855	22.153.234.318	28,55
Máy móc và thiết bị	569.971.902.340	157.826.153.188	27,69
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16.171.048.608	3.885.050.108	24,02
Thiết bị, dụng cụ quản lý	432.491.777	42.663.800	9,86
Tài sản cố định vô hình	78.000.000	39.000000	50,00
Phần mềm vi tính	78.000.000	39.000000	50,00
Tổng cộng	664.235.485.580	183.946.101.414	27,69

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2015:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối năm 2015 là khoản chi phí xây dựng nhà để xe ô tô Công ty thực hiện vào thời điểm cuối năm, chi phí đã ghi nhận là 82.998.199 đồng.

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017 (*)	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2015	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2016
Vốn điều lệ	73.450.000.000	-	-	-
Doanh thu thuần	900.000.000.000	(7,50)%	-	-
Lợi nhuận sau thuế	12.480.000.000	(2,97)%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,39%	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	16,99%	-	-	-
Tỷ lệ chi trả cổ tức	7%	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì)

(*) Công ty chưa có kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cổ tức cho năm 2017.

➤ Căn cứ để thực hiện kế hoạch

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty được tính toán dựa trên cơ sở sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong các năm 2014; năm 2015;
- Các chính sách ưu đãi do Nhà nước mang lại;
- Nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, tạo điều kiện cho Công ty trong việc kiểm soát chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm;
- Xây dựng chiến lược về tài chính và vốn trên cơ sở giữ vững uy tín với các tổ chức ngân hàng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý vốn nhằm nâng cao vòng quay vốn, thiết lập mối quan hệ với nhà đầu tư chiến lược và các bạn hàng có thể mạnh về tài chính để tranh thủ nguồn vốn.

➤ Biện pháp để thực hiện kế hoạch

Giải pháp trong lĩnh vực tổ chức sản xuất:

- Tập trung chỉ đạo, tổ chức quản lý và điều hành sản xuất ngay từ những ngày đầu, tháng đầu năm kế hoạch 2016;
- + Sắp xếp lao động trong và ngoài dây chuyền hợp lý, bố trí lao động có tay nghề cao, có tâm và có tinh thần trách nhiệm vào dây chuyền sản xuất; Thường xuyên tổ chức đào tạo thêm kiến thức công nghệ cho đội ngũ thợ đánh bột và thợ xeo sát với với những biến đổi thực tế sản xuất; Có chính sách đãi ngộ thích đáng để tăng cường trách nhiệm và động viên những Tổ trưởng sản xuất ở những vị trí và mắt xích quan trọng;
- + Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật trong quy trình sản xuất, giảm thiểu các sản phẩm sai quy cách và phế phẩm nhằm tiết kiệm chi phí trong giá thành sản phẩm góp phần tăng lợi nhuận cho công ty;
- + Chú trọng công tác quản lý định mức, thực hành tiết kiệm trong sản xuất, kiên quyết làm rõ nguyên nhân gây sự cố về thiết bị và công nghệ trong quá trình sản xuất để giảm thiểu thiệt hại;
- + Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật tăng cường hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ của công nhân trong dây chuyền, hạn chế tối đa thói quen làm bừa, làm ẩu để giữ ổn định và nâng cao dần chất lượng sản phẩm;
- + Đào tạo đội ngũ KCS có đủ điều kiện về chuyên môn để có thể kiểm soát được chất lượng sản phẩm theo công đoạn của sản xuất;
- Định kỳ chăm sóc, bảo dưỡng và sửa chữa thật tốt máy móc thiết bị, để thiết bị hoạt động đạt độ ổn định cao nhất;
- Xây dựng chiến lược về nguồn nguyên liệu. Đồng thời, có chính sách cụ thể với các nhà cung cấp ổn định, lâu dài, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho sản xuất.

Giải pháp trong lĩnh vực kinh doanh:

- Cung ứng nguyên, nhiên, vật liệu cho sản xuất đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý và đáp ứng kịp thời về tiến độ;
- Củng cố lại lực lượng làm công tác thị trường, bổ sung thêm lao động có năng lực và có tâm huyết cho VPĐD của Công ty tại Hà Nội để có đủ lực lượng thường xuyên bám sát và nắm bắt kịp thời những biến động của thị trường;
- Từng bước nâng cao uy tín với bạn hàng, xây dựng, củng cố lại mạng lưới khách hàng, mở rộng thị trường, đa dạng hoá hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác tiếp thị, đưa sản phẩm giấy in, giấy viết trên dây chuyền mới đầu tư và giấy làm vỏ bao xi măng vào thị trường.
- Xây dựng chiến lược sản phẩm trên cơ sở nắm bắt kịp thời nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng, tập trung ưu tiên cho những mặt hàng giá trị gia tăng.
- Xây dựng chiến lược dịch vụ trong và sau khi bán hàng để khách hàng yên tâm khi tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

- Thường xuyên bám sát khách hàng để nắm bắt chính xác và kịp thời mọi nhu cầu về sản phẩm, tham mưu xây dựng kịp thời kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, tạo thế chủ động trong việc tổ chức sản xuất của Công ty;
- Giữ vững và mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm KRL, sản phẩm Giấy Xi măng; Từng bước chắc chắn xây dựng lại mạng lưới tiêu thụ để giữ nhịp tiêu thụ cân bằng với sản xuất; Củng cố lại mạng lưới đại lý tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh; Thực hiện chính sách bán hàng mềm dẻo linh hoạt nhưng đúng luật, vừa bán qua mạng lưới đại lý, vừa bán cho những nhà sản xuất trực tiếp; Tích cực tìm kiếm thêm những khách hàng tiềm năng để mở rộng thị phần;
- Phối hợp nội bộ tốt để thực hiện dịch vụ bán hàng nhanh chóng và thuận tiện, không gây phiền hà và sách nhiễu khách hàng; Giải quyết mọi vướng mắc phát sinh và mọi khiếu nại của khách hàng nhanh chóng, có lý, có tình, thể hiện sự hợp tác bình đẳng, chân thành theo phương châm đôi bên cùng có lợi;

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

⚡ Về công tác tổ chức sản xuất:

- Quản lý chặt quy trình công nghệ và tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm dọc tuyến để từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của tất cả các loại sản phẩm; Trong đó tập trung giữ thương hiệu và tiếp tục tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm chủ đạo, có thương hiệu;
- Tập trung giữ ổn định, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm và tích cực khai thác, tìm kiếm thêm mặt hàng cho dây chuyền giấy bao bì công nghiệp; giữ ổn định chất lượng giấy in viết, nâng cao chất lượng giấy xi măng để giữ thị trường hai loại sản phẩm này;
- Liên tục quan tâm và làm tốt công tác sáng kiến tiết kiệm, quản lý định mức, luôn coi đây là biện pháp quan trọng để giảm giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Xem xét, đầu tư cải tạo máy xeo số 1 và hệ thống chuẩn bị bột của dây chuyền này để chuyển hướng sản xuất giấy bao bì khi thị trường giấy in viết quá khó khăn, không giữ được thị phần.

⚡ Về công tác quản lý tài chính:

- Công tác quản lý tài chính gắn chặt với hoạt động bán hàng và thu hồi công nợ, tổ chức thu hồi vốn nhanh để tăng vòng quay của đồng vốn;
- Tổ chức thu hồi công nợ khó đòi quyết liệt để giảm thiểu tối đa những thiệt hại về tài chính trong khâu bán hàng;

- Quản trị tốt nhất hoạt động cung ứng hàng hoá và dịch vụ đầu vào, phù hợp với sự biến động của thị trường đầu ra, tránh để tồn kho ứ đọng, để tăng hiệu quả của việc sử dụng đồng vốn;

⊕ *Về công tác thị trường, hoạt động marketing:*

- Đặc biệt quan tâm và làm tốt công tác điều tra, nắm bắt thị trường; Tổ chức tốt mạng lưới bám sát và nắm bắt nhanh mọi diễn biến của thị trường để có quyết định tối ưu trong SXKD; phát triển thị trường Test liner.

- Theo sát khách hàng, hợp tác, giải quyết triệt để những vướng mắc phát sinh sau bán hàng; biến chất lượng dịch vụ trước, trong và sau bán hàng thành hoạt động marketing thiết thực và sâu sắc nhất;

⊕ *Về công tác tiêu thụ sản phẩm:*

- Thực hiện tốt công tác tiêu thụ sản phẩm; Coi công tác tiêu thụ sản phẩm là nhiệm vụ trọng tâm, quyết định chính đến sự tồn tại và phát triển của Doanh nghiệp.

- Tiếp tục củng cố và xây dựng thật chắc chắn mạng lưới tiêu thụ trong phạm vi cả nước, tập trung vào các Khu vực chính: khu vực Hà Nội và các tỉnh, thành phố lân cận: Hải Dương, Hải Phòng, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc,... Khu vực TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố lân cận: Bình Dương, Long An, Bến Tre, Cần Thơ,... nhằm giữ vững thị phần các loại sản phẩm chính, giữ sản lượng tiêu thụ ổn định với giá bán hợp lý và cạnh tranh lành mạnh.

- Tiếp tục quan tâm và đầu tư cho công tác bán hàng, thị trường: Đầu tư về đào tạo nâng cao nghiệp vụ bán hàng cho bộ phận bán hàng và bộ phận làm công tác thị trường.

- Từng bước cân nhắc, xây dựng và áp dụng chính sách giá mềm dẻo, có khuyến mại cho những khách hàng có tâm huyết, gắn bó, hợp tác kinh doanh lâu bền với Công ty trên cơ sở đảm bảo đúng nguyên tắc theo chế độ, chính sách hiện hành nhằm tăng hiệu quả kinh doanh;

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hoạt động quản trị

1.1. Cơ cấu và thành phần Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm (2014-2018). Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị có:

01 Chủ tịch Hội đồng quản trị

04 Thành viên Hội đồng quản trị

1.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Hiện	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT điều hành)
Ông Đặng Văn Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT điều hành)
Ông Nguyễn Hồng Hà	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT điều hành)
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT độc lập)
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT điều hành)

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Hiện			
Giới tính	Nam	Quê quán	Đồng Du – Bình Lục – Hà Nam
Ngày tháng năm sinh	25/10/1960	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Thanh Miếu – Việt Trì – Phú Thọ		
Nơi sinh Đồng Du – Bình Lục – Hà Nam			
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 132005669 cấp ngày 29/10/2007 tại Công an Phú Thọ	
Trình độ văn hóa	10/10		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công nghệ Xenlulo – giấy		
Quá trình công tác:			
1977-1982	Sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà nội		
1983-1985	Kỹ thuật viên điều độ sản xuất – Nhà máy Giấy Việt trì		
1986 - 1990	Phó quản đốc phân xưởng Xeo – Nhà máy Giấy Việt trì		

1991 - 1996	Quản đốc phân xưởng Xeo – Nhà máy Giấy Việt Trì
1997 - 2003	Phó giám đốc Công ty giấy Việt Trì
2004 2008	Giám đốc Công ty giấy Việt Trì
2009 - nay	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Giấy Việt Trì
Chức vụ hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Giấy Việt Trì
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ:	1.557.794 cổ phần (tỷ lệ 21,21%)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	529.494 cổ phần (7,21%)
- Đại diện Tổng Công ty Giấy Việt Trì sở hữu	1.028.300 cổ phần (14,0%)
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	
- Vợ: Dương Thị Minh.	3.670 Cổ phần (tỷ lệ 0,05%)
- Con: Nguyễn Nam Khánh	318.737 Cổ phần (tỷ lệ 4,34%)
- Con: Nguyễn Duy Hưng	358.871 Cổ phần (tỷ lệ 4,89%)
- Em ruột: Nguyễn Hồng Đức	619.804 Cổ phần (tỷ lệ 8,44%)
- Em dâu: Hồ Thị Minh Hải	524 Cổ phần (tỷ lệ 0,01%)

Thành viên Hội đồng quản trị

Đặng Văn Sơn			
Giới tính	Nam	Quê quán	Điền Hoa- Phong Điền – Thừa thiên Huế

Ngày tháng năm sinh	09/08/1963	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Thanh Miếu – Việt Trì – Phú Thọ		
Nơi sinh	Là Phù – Thanh Thủy – Phú Thọ		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 130986663 cấp ngày 24/06/2005 tại công an Phú Thọ	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác:			
1984 - 1986	Nhân viên phòng tài vụ - Nhà máy giấy Việt Trì		
1986 – 1988	Bộ đội phòng tham mưu F 314		
1989 - 2000	Nhân viên phòng kinh doanh - Nhà máy giấy Việt Trì		
2001 - 2004	Phó phòng vật tư nguyên liệu - Công ty CP Giấy Việt Trì		
2004 - 2014	Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty CP Giấy Việt Trì		
2014 – nay	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc - Công ty CP Giấy Việt Trì		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc - Công ty CP Giấy Việt Trì		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Lợi ích liên quan với Công ty	Không		
Số cổ phần nắm giữ:	111.870 cổ phần (tỷ lệ 1,52%)		
Trong đó:			
- Sở hữu cá nhân:	111.870 cổ phần (tỷ lệ 1,52%)		
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần (tỷ lệ 0%)		

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan Vợ: Nguyễn Thị Biển	6.086 Cổ phần (tỷ lệ 0,08%)
---	-----------------------------

Thành viên Hội đồng quản trị

Nguyễn Hồng Hà			
Giới tính	Nam	Quê quán	Phú Nghĩa – Chương Mỹ - Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	06/02/1976	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Tiên Cát – Việt trì – Phú Thọ		
Nơi sinh: Phú Nghĩa – Chương Mỹ - Hà Nội			
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 132233838.cấp ngày 18/09/2010 tại công an Phú Thọ	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công nghệ giấy		
Quá trình công tác:			
12/2001 - 2003	Nhân viên kỹ thuật – Công ty giấy Việt trì		
2004 - 2005	Phó quản đốc PX Xeo – Nhà máy 2 – Công ty Giấy Việt Trì		
2006 - 2007	Giám đốc XN giấy 2 – Công ty Giấy Việt Trì		
2007 - 2008	Phó giám đốc Công ty Giấy Việt Trì		
2009 - nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT		
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công	Không		

ty	
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu:	69.812 cổ phần (tỷ lệ 0,95%)
Trong đó:	
- Số cổ phần sở hữu:	69.812 cổ phần (tỷ lệ 0,95%)
- Số cổ phần đại diện sở hữu:	0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	

Thành viên Hội đồng quản trị

Trần Quốc Hải			
Giới tính	Nam	Quê quán	Đồng Ích – Lập Thạch – Vĩnh Phúc
Ngày tháng năm sinh	09/5/1965	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Thanh Miếu - Việt Trì - Phú Thọ		
Nơi sinh Đồng Ích – Lập Thạch – Vĩnh Phúc			
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 120881015 cấp ngày 22/5/2007 tại CA Phú Thọ	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện		
Quá trình công tác:			
1985 - 1986	Công nhân Nhà máy Suppe Lâm Thao		
1986 - 2001	Thợ Cơ khí - Nhà máy Giấy Việt Trì		
2001 - 2005	Đội trưởng Đội Bảo dưỡng thiết bị - Nhà máy Giấy số 2 - Công ty CP Giấy Việt Trì		
2005 - 2008	Phó Giám đốc Nhà máy Giấy số 2 - Công ty CP Giấy Việt Trì		
2008 - 2016	Giám đốc xí nghiệp Giấy số 2 - Công ty CP Giấy Việt Trì		

2009 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
2016 - nay	Giám đốc Xí nghiệp Bảo dưỡng - Công ty CP Giấy Việt Trì
Chức vụ hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Giám đốc Xí nghiệp Bảo dưỡng – Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu:	61.712 cổ phần (tỷ lệ 0,84%)
Trong đó:	
- Số cổ phần sở hữu:	61.712 cổ phần (tỷ lệ 0,84%)
- Số cổ phần đại diện sở hữu:	0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	- Không có

Thành viên Hội đồng quản trị

Lê Thị Minh Loan			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Phương Lĩnh – Thanh Ba – Phú Thọ
Ngày tháng năm sinh	05/12/1971	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Thanh Miếu – Việt Trì – Phú Thọ		
Nơi sinh Phương Lĩnh Thanh Ba – Phú Thọ			
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 130989482 cấp ngày 21/6/2006 tại CA Phú Thọ	
Trình độ văn hóa	12/12		

Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
1992 – 2008	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
2008 – 2012	Phó phòng Tài chính Kế toán
2012 – 2014	Trưởng phòng Tài chính Kế toán
2014 - nay	Kế toán trưởng kiêm Ủy viên HĐQT Công ty CP Giấy Việt Tri
Chức vụ hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	Kế toán trưởng kiêm Ủy viên HĐQT
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	138.142 cổ phần (chiếm 1,88%)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân:	138.142 cổ phần (chiếm 1,88%)
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không có

2. Ban kiểm soát

2.1. Cơ cấu và thành phần Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm (2014 - 2018); thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong cơ cấu của Ban Kiểm soát có: 01 Trưởng Ban kiểm soát

01 Thành viên Ban kiểm soát

2.2. *Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát cụ thể như sau:*

Họ và tên	Chức danh
Ông Nguyễn Công Thành	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát

Nguyễn Công Thành			
Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Hùng - Quảng Xương - Thanh Hóa
Ngày tháng năm sinh	10/11/1964	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Thanh Miếu - Việt Trì - Phú Thọ		
Nơi sinh Thanh Miếu Việt Trì – Phú Thọ			
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 130783081 ngày cấp 16/10/2007 tại CA Phú Thọ	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hóa		
Quá trình công tác:			
1985 - 1989	Bộ đội sửa chữa pháo mặt đất - Tiểu đoàn 3 - Cục kỹ thuật Quân khu II		
1989 - 1989	Xuất ngũ về địa phương		
1990 - 1992	Công nhân vừa học vừa làm		
1992 - 1993	Công nhân phân xưởng bột - Nhà máy Giấy Việt Trì		
1993 - 1996	Học Cao Đẳng kỹ thuật chuyên ngành Giấy		
1996 - 2001	Phó Quản đốc phân xưởng Bột - Nhà máy Giấy Việt Trì		
2001 - 2006	Quản đốc phân xưởng Bột - Nhà máy Giấy Việt Trì		
2006 - 2010	Phó giám đốc Xí nghiệp Giấy số 1 – Công ty CP Giấy Việt Trì		
2010 - nay	Giám đốc xí nghiệp Giấy số 1 – Công ty CP Giấy Việt Trì		

2013 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
Chức vụ hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì;
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Giám đốc xí nghiệp Giấy số 1 – Công ty CP Giấy Việt Trì
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	15.271 cổ phần (0,21%)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân:	15.271 cổ phần (0,21%)
- Đại diện phần vốn nhà nước:	0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không có

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Nam.			
Giới tính	Nam	Quê quán	Tam Phúc – Vĩnh Tường – Vĩnh Phúc
Ngày tháng năm sinh	06/01/1966	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Thanh Miếu – Việt Trì – Phú Thọ		
Nơi sinh: Tam Phúc – Vĩnh Tường – Vĩnh Phúc			
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 130819374 cấp ngày 29/9/2004 tại CA Phú Thọ	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán		
Quá trình công tác:			

1988 – 1989	Nhân viên phòng Cung tiêu – Nhà máy Giấy Việt Trì
1990 - 1997	Nhân viên phòng Kinh doanh – Nhà máy Giấy Việt Trì
1998 – 2004	Nhân viên phòng Kế hoạch Thị trường – Công ty CP Giấy Việt Trì
2005 - 2008	Phó phòng Kế hoạch Thị trường – Công ty CP Giấy Việt Trì
2009 - 2015	Phó phòng Vật tư Nguyên liệu – Công ty CP Giấy Việt Trì
2013 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
2015 - nay	Trưởng phòng Vật tư Nguyên liệu – thành viên ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
Chức vụ hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Vật tư Nguyên liệu Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	34.731 cổ phần (0,47%)
Trong đó:	34.731 cổ phần (0,47%)
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Vợ Đặng Thị Kim Dung: 15.222 Cổ phần (tỷ lệ 0,21%)

3. Giám đốc và các cán bộ quản lý

3.1. Cơ cấu và thành phần Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Ban Giám đốc Công ty có ba (03) thành viên.

Trong cơ cấu của Ban Giám đốc có: 01 Tổng Giám đốc

02 Phó Tổng Giám đốc

Phòng Kế toán của Công ty có 01 Kế toán trưởng

3.2. *Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc cụ thể như sau:*

Họ và tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Hiện	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh Loan	Kế toán trưởng

Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hiện

Đã trình bày ở mục HĐQT.

Phó Giám đốc

Ông Đặng Văn Sơn

Đã trình bày ở mục HĐQT.

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Hà

Đã trình bày ở mục HĐQT

Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Minh Loan

Đã trình bày ở mục HĐQT

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì và dự kiến kế hoạch SXKD cho những năm tiếp theo, Hội đồng quản trị đã định hướng hoạt động cụ thể như:

- HĐQT luôn xem xét trách nhiệm tối cao của mình là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, các hoạt động của HĐQT phải minh bạch, phải đặt quyền lợi của các cổ đông và sự phát triển của Công ty là trên hết.
- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty;
- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát và phối hợp với Giám đốc Công ty và bộ máy quản lý trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng nghị quyết của ĐHCĐ và của HĐQT;
- Tiếp tục rà soát, kiểm tra và tổ chức thực hiện tốt hệ thống quy chế nội bộ công ty một cách đồng bộ, hệ thống, sát thực tế, đáp ứng yêu cầu mới, phù hợp với các quy định hiện hành, làm cơ sở hành lang pháp lý nội bộ cho việc tổ chức và quản lý SXKD có hiệu quả.

- Trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất, Công ty cam kết sẽ bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát để đảm bảo số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là 03 thành viên.

III. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục 2: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015

Phụ lục 3: Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2016 do Công ty CP Giấy Việt Trì tự lập.

CHỮ KÝ

Phủ Thọ, ngày 27 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hiện

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Tô Thành Vinh